ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Ký bởi: Tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 12/01/2022 13:18:17

NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC KHỐI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 163 /KH-UBND ngày 11 / 01 /2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. Vị trí dự tuyển

STT	Ngạch	Vị trí	Viết tắt
1	Chuyên viên - mã số 01.003 và Cán sự - mã số 01.004	Văn phòng: Tuyển vào Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	VP
2		Vị trí Nội vụ: Tuyển vào Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ các huyện, thành phố	NV
3		Vị trí Công Thương: Tuyển vào Sở Công Thương; lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện	CT
4		Vị trí Xây dựng: Tuyển vào Sở Xây dựng; lĩnh vực xây dựng của Phòng Quản lý đô thị thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện	XD
5		Vị trí Tài chính: Tuyển vào Sở Tài chính; lĩnh vực tài chính của Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố	TC
6		Vị trí Kế hoạch và Đầu tư: Tuyển vào Sở Kế hoạch và Đầu tư; lĩnh vực kế hoạch đầu tư của Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố	KHĐT
7		Vị trí Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tuyển vào Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch của Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố	VHTTDL
8		Vị trí Khoa học và Công nghệ: Tuyển vào Sở Khoa học và công nghệ; lĩnh vực khoa học và công nghệ của Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc	KHCN
9		Vị trí Tài nguyên và Môi trường: Tuyển vào Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố	TNMT
10		Vị trí Y tế: Tuyển vào Sở Y tế; Phòng Y tế các huyện, thành phố	YT
11		Vị trí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tuyển vào Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc	NNPTNT
12	Chuyên viên - mã số 01.003 và Cán sự - mã số 01.004	Vị trí Thông tin và Truyền thông: Tuyển vào Sở Thông tin và Truyền thông; lĩnh vực thông tin, truyền thông của Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố	TTTT
13		Vị trí Thanh tra: Tuyển vào Thanh tra tỉnh; Thanh tra các huyện, thành phố	TT
14		Vị trí Lao động - Thương binh và Xã hội: Tuyển vào Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố	LĐTBXH
15		Vị trí Giao thông vận tải: Tuyển vào Sở Giao thông vận tải; lĩnh vực giao thông vận tải của Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc	GTVT
16		Vị trí Tư pháp: Tuyển vào Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố	TP
17		Vị trí Giáo dục: Tuyển vào Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố	GDĐT
18		Vị trí Quản lý công nghiệp: Tuyển vào Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	QLCN
19	Văn thư - mã số 02.007 và Văn thư trung cấp - mã số 02.008	Tuyển vào vị trí Văn thư của các cơ quan, đơn vị	VT
20	Kiểm lâm viên - mã số 10.226 và Kiểm lâm viên trung cấp - mã số 10.228	Tuyển vào vị trí Kiểm lâm	KL
21	Kế toán viên - mã số 06.031	Tuyển vào vị trí Kế toán của các cơ quan, đơn vị	KT
22	Thủ quỹ - mã số 06.035	Tuyển vào vị trí Thủ quỹ của các cơ quan, đơn vị	TQ

II. Biên chế của các đơn vị

Đơn vị / Biên chế	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Công thương	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học công nghệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban quản lý các khu công nghiệp	Vườn Quốc gia Bidoup - Núi bà	UBND thành phố Đà Lạt	UBND thành phố Bảo Lộc	UBND huyện Đạ Tẻh	UBND huyện Đức Trọng	UBND huyện Lạc Dương	UBND huyện Đạ Huoai	UBND huyện Đơn Dương	UBND huyện Di Linh	UBND huyện Đam Rông	UBND huyện Lâm Hà	UBND huyện Bảo Lâm	UBND huyện Cát Tiên
Biên chế được giao năm 2021	61	66	39	38	53	58	42	54	35	52	32	60	382	30	16	62	143	117	92	109	89	92	95	110	92	105	100	91
Biên chế đã sử dụng	54	58	33	33	52	46	36	43	33	49	29	55	326	27	15	42	125	110	84	89	79	73	88	96	82	99	89	81

III. Chỉ tiêu tuyển dụng

TT	Đơn vị / Chỉ tiêu	Tổng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Công thương	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở khoa học và công nghệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban quản lý các khu công nghiệp	Vườn Quốc gia Bidoup - Núi bà	UBND thành phố Đà Lạt		UBND thành phố Bảo Lộc		UBND huyện Đạ Tẻh		UBND huyện Đức Trọng		UBND huyện Lạc Dương		UBND huyện Đạ Huoai		UBND huyện Đơn Dương		UBND huyện Di Linh		UBND huyện Đam Rông		UBND huyện Lâm Hà		UBND huyện Bảo Lâm		UBND huyện Cát Tiên		Ghi chú
																			Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	
	Tổng nhu cầu toàn tỉnh	234	7	3	4	5	1	12	3	6	2	3	2	2	51	3	1	18	13		6		4		17		9		18		5		11		6		4		10		8		
I	01.003 (Loại C) - Đại học	158	2	2	4	4		12	2	4	2	3	1	2	7	3	1		11		6		4		17		9		18		5		11		5		4		10		8		
1	Luật	8	2								1		1												1	TP			1	VP									1	NV	1	VP	1. Sở Khoa học và Công nghệ: hoặc Hình chính 2. Sở Tư pháp: hoặc Hình chính.
2	Luật	2																											1	TP									1	TP			UBND huyện Bảo Lâm: hoặc Nội vụ hoặc Hình chính
3	Luật	1																																					1	VP			
4	Luật Kinh tế	1																															1	CT									Người Dân tộc thiểu số
5	Hành chính	7							1																1	VP			1	VP	1	NV			1	NV	1	NV	1	VP			1. UBND huyện Đơn Dương: hoặc Tôn giáo học hoặc hoặc Nội vụ hoặc Quản lý nhà nước 2. UBND huyện Đam Rông: Người Dân tộc thiểu số gốc Tây nguyên
6	Hành chính	3																							1	NV					2	VP											1. UBND huyện Đức Trọng: hoặc Luật hoặc Quản lý nhà nước 2. UBND huyện Đơn Dương: hoặc Kinh tế hoặc Tài chính hoặc Quản trị kinh doanh hoặc Quản lý nhà nước hoặc Luật
7	Quản lý nhà nước	5																					1	NV	1	VP			1	NV	1	NV	1	TT									1. UBND huyện Đạ Tẻh: hoặc Quản trị nhân lực hoặc Luật 2. UBND huyện Đức Trọng: hoặc Luật; Người Dân tộc thiểu số 3. UBND huyện Đạ Huoai: hoặc Luật hoặc Hành chính hoặc Xã hội học hoặc Quản trị nguồn nhân lực hoặc Lao động - Tiền lương 4. UBND huyện Di Linh: hoặc Quản lý đất đai hoặc Luật học hoặc Luật Hành chính
8	Quản trị Nhân lực	3		1															1	LĐTBXH							1	LĐTBXH															UBND thành phố Đà Lạt: hoặc Lao động - Tiền lương hoặc Công tác xã hội hoặc Xã hội học
9	Triết học	1		1																																							hoặc Tôn giáo
10	Báo chí	1																																					1	TTTT			hoặc Ngữ văn
11	Quản trị kinh doanh	2																			1	CT							1	VP													1. UBND thành phố Bảo Lộc: hoặc Kỹ sư công nghiệp 2. UBND huyện Đạ Huoai: hoặc Kinh tế hoặc Luật hoặc Xã hội học hoặc Quản trị nguồn nhân lực hoặc Hành chính
12	Quản trị kinh doanh	2																							1	TC			1	TT													1. UBND huyện Đức Trọng: hoặc Tài chính công hoặc Tài chính ngân hàng 2. UBND huyện Đạ Huoai: hoặc Kinh tế hoặc Kế toán hoặc Luật hoặc Hành chính
13	Kinh tế	6			1				3																														1	TT	1	CT	1. Sở Công thương: hoặc Tài chính - Kế toán 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: hoặc Quản trị kinh doanh 3. UBND huyện Cát Tiên: hoặc Tài chính - Ngân hàng hoặc Thương mại hoặc Ngoại thương hoặc Quản trị kinh doanh
14	Kinh tế	3																					1	KHĐT							1	LĐTBXH					1	VP			1. UBND huyện Đạ Huoai: hoặc Quản trị kinh doanh hoặc Ngoại thương 2. UBND huyện Di Linh: hoặc Kế toán hoặc Tài chính - Kế toán

TT	Đơn vị / Chỉ tiêu	Tổng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Công thương	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở khoa học và công nghệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban quản lý các khu công nghiệp	Viện Quốc gia Bioloup - Núi bà	UBND thành phố Đà Lạt		UBND thành phố Bảo Lộc		UBND huyện Đạ Tẻh		UBND huyện Đức Trọng		UBND huyện Lạc Dương		UBND huyện Đạ Huoai		UBND huyện Đơn Dương		UBND huyện Di Linh		UBND huyện Đam Rông		UBND huyện Lâm Hà		UBND huyện Bảo Lâm		UBND huyện Cát Tiên		Ghi chú
																			Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	
15	Kinh tế đối ngoại	1			1																																				hoặc Quan hệ quốc tế hoặc Ngoại thương hoặc Thương mại
16	Điện Công nghiệp	1			1																																				hoặc Điện công nghiệp và dân dụng hoặc Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử
17	Vật lý	1									1																														hoặc Công nghệ vô cơ - Vật liệu hoặc Hóa
18	Công nghệ hóa học	1			1																																				
19	Công nghệ thông tin	4														1					1	TTTT				1	VP					1	VP								**1. Sở Thông tin và Truyền thông:** hoặc Toán tin hoặc Tin học hoặc sư phạm Tin hoặc Sư phạm Toán tin **2. UBND huyện Đạ Huoai:** hoặc Hệ thống thông tin quản lý
20	Công nghệ thông tin	5														1									1	TTTT						1	TTTT	1	TTTT			1	VP	**1. Sở Thông tin và Truyền thông:** hoặc Quản trị mạng hoặc Toán -Tin hoặc Tin học hoặc Hệ thống thông tin quản lý hoặc Kỹ thuật phần mềm hoặc An toàn thông tin **2. UBND huyện Di Linh:** hoặc Kỹ thuật điện tử và viễn thông hoặc Toán tin hoặc máy tính **3. UBND huyện Đam Rông:** hoặc Kỹ thuật điện tử và viễn thông hoặc Toán Tin hoặc chuyên ngành máy tính
21	Công nghệ thông tin	1														1																								hoặc Tin học hoặc Báo chí hoặc Truyền thông đa phương tiện
22	Tài chính ngân hàng	12						10																	1	CT	1	KHĐT												**1. Sở Tài chính:** hoặc Kế toán **2. UBND huyện Đức Trọng:** hoặc Kinh tế **3. UBND huyện Lạc Dương:** hoặc Kế toán
23	Tài chính - Kế toán	1																									1	TT												hoặc Xây dựng
24	Tài chính	1																	1	TC																				hoặc Kế toán
25	Thẩm định tài sản	1																			1	TC																		hoặc giá
26	Kế toán	9						2							1				1	TT							1	TC	2	TC							1	GDĐT			**1. Sở Tài chính:** hoặc Tài chính ngân hàng, Người Dân tộc thiểu số **2. UBND thành phố Đà Lạt:** hoặc Tài chính - Kế toán **3. UBND huyện Đạ Huoai:** hoặc Tài chính ngân hành hoặc Kiểm toán **4. UBND huyện Lâm Hà:** hoặc Xây dựng, Người Dân tộc thiểu số
27	Quản lý đô thị	2				1															1	XD																		**UBND thành phố Bảo Lộc:** hoặc Quản lý xây dựng
28	Kiến trúc sư	2																	1	XD	1	XD																		
29	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	2				1																	1	XD																**UBND huyện Đạ Tẻh:** hoặc Thiết kế xây dựng hoặc Kiến trúc, quy hoạch xây dựng hoặc Xây dựng dân dụng
30	Kỹ thuật công trình xây dựng	1																											1	XD										hoặc Xây dựng cầu đường hoặc Kỹ thuật công trình xây dựng
31	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	1																															1	GTVT						
32	Kỹ thuật xây dựng	1																							1	XD														**1. BQL các khu công nghiệp:** hoặc Kiến trúc hoặc giao thông vận tải **2. UBND huyện Đơn Dương** hoặc Kiến trúc sư **3. UBND huyện Bảo Lâm:** hoặc Kỹ sư giao thông
33	Kỹ sư xây dựng	4																1									1	TT			1	TT						1	XD	
34	Xây dựng	3																							1	XD	1	XD							1	KHĐT				**1. UBND huyện Đức Trọng:** Kiến trúc hoặc quy hoạch nguồn và đô thị hoặc kinh doanh thương mại **2. UBND huyện Di Linh:** hoặc Kỹ thuật công trình xây dựng
35	Xây dựng	1																							1	NNPTNT														hoặc kỹ thuật xây dựng hoặc kỹ thuật cấp thoát nước hoặc kỹ thuật công trình thủy
36	Quản lý Xây dựng	2				2																																		
37	Xây dựng cầu đường	2																											1	GTVT									1	TT	**UBND huyện Cát Tiên:** hoặc Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc Kỹ sư xây dựng dân dụng hoặc Kinh tế xây dựng
38	Kỹ sư xây dựng dân dụng	2																															1	XD					1	XD	**UBND huyện Cát Tiên:** Kỹ sư xây dựng dân dụng và Công nghiệp hoặc Kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng
																																	1	XD							hoặc Kiến trúc
39	Quy hoạch vùng và đô thị	1																							1	LĐTBXH														hoặc Luật
40	Công tác xã hội	1																									1	VHTTDL												hoặc Quản lý văn hóa
41	Xã hội học	1																																						
42	Văn hóa	2																					1	VHTTDL													1	VP			**1. UBND thành phố Bảo Lộc:** hoặc Du lịch **2. UBND huyện Lâm Hà:** Người Dân tộc thiểu số
43	Thể dục thể thao	1								1																														
44	Quản trị lữ hành	1								1									1	VHTTDL																				hoặc Quản trị kinh doanh
45	Du lịch	1								1																														
46	Sư phạm Toán	2																							1	GDĐT											1	GDĐT			**1. UBND huyện Đức Trọng:** Sư phạm Ngữ văn hoặc sư phạm tin hoặc sư phạm toán - tin **2. UBND huyện Lâm Hà:** hoặc Sư phạm Lý hoặc Sư phạm Hóa
47	Giáo dục tiểu học	1																					1	GDĐT																
48	Giáo dục thể chất	2								1									1	VHTTDL																				**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Thể dục thể thao hoặc chuyên ngành khác có liên quan đến quản lý thể dục thể thao; Người Dân tộc thiểu số
49	Bác sĩ Đa khoa	3																									1	YT	2	YT										**1. UBND huyện Lạc Dương:** Người Dân tộc thiểu số **2. UBND huyện Đạ Huoai:** hoặc Cử nhân Y tế cộng đồng hoặc Bác sĩ các chuyên ngành khác
50	Bác sĩ	4												1					2	YT																	1	YT			**1. UBND thành phố Đà Lạt:** hoặc Dược sĩ **2. UBND huyện Bảo Lâm:** hoặc Dược sĩ hoặc Y tế dự phòng hoặc Công nghệ thực phẩm hoặc công nghệ sinh học

TT	Đơn vị / Chỉ tiêu	Tổng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Công thương	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban quản lý các khu công nghiệp	Trường Quốc gia Bidoup - Núi Bà	UBND thành phố Đà Lạt		UBND thành phố Bảo Lộc		UBND huyện Đạ Tẻh		UBND huyện Đức Trọng		UBND huyện Lạc Dương		UBND huyện Đạ Huoai		UBND huyện Đơn Dương		UBND huyện Di Linh		UBND huyện Đam Rông		UBND huyện Lâm Hà		UBND huyện Bảo Lâm		UBND huyện Cát Tiên		Ghi chú
																			Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	Chỉ tiêu	Vị trí	
51	Quản lý đất đai	7										1							1	TNMT					2	TNMT			1	TNMT			1	TNMT			1	TNMT			**UBND huyện Bảo Lâm:** hoặc Trắc địa bản đồ
52	Quản lý đất đai	3													2										2	TT					1	TNMT									**UBND huyện Đức Trọng:** hoặc Luật
53	Kỹ thuật trắc địa và bản đồ	2										1			1														1	VP											hoặc Kỹ thuật mỏ hoặc trắc địa
54	Khai thác khoáng sản	1																																						**1. UBND Tp Đà Lạt:** hoặc Kiểm lâm **2. UBND huyện Đạ Huoai:** hoặc Nông lâm hoặc Nông nghiệp
55	Lâm nghiệp	3																	1	NNPTNT			1	NNPTNT					1	NNPTNT											
56	Khoa học môi trường	2										1																					1	TNMT							**UBND huyện Di Linh:** hoặc Kinh tế Tài nguyên môi trường
57	Môi trường	1																									1	TNMT													
58	Công nghệ sau thu hoạch	2													2																										
59	Nuôi trồng thủy sản	2													2																				1	NNPTNT							hoặc Nông học
60	Chăn nuôi thú y	1																																					1	NNPTNT	
61	Phát triển nông thôn	1																																							
62	Nông nghiệp	1																	1	NNPTNT																					Kinh tế nông lâm hoặc Nông học hoặc Công nghệ sinh học hoặc Trồng trọt hoặc Bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành liên quan tới nông nghiệp
63	Công nghệ sinh học	3													1														1	NNPTNT									1	VP	**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** hoặc kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản hoặc Kỹ sư Nuôi trồng Thủy sản **2. UBND huyện Đạ Huoai:** hoặc Nông nghiệp hoặc Trồng trọt hoặc Kinh tế nông nghiệp hoặc Nông học
64	Công nghệ thực phẩm	2												1											1	YT															**UBND huyện Đức Trọng:** hoặc Bác sĩ hoặc Y dược hoặc Dược sĩ, người Dân tộc thiểu số
65	Công nghệ kỹ thuật hóa học	1													1																		1	TNMT							
II	**01.004 - Cao đẳng**	1													1																										
1	Lập trình máy tính	1											1		5																				1							
III	**02.097 - Đại học**	12	2	1		1	1																																		
1	Văn thư lưu trữ	11	1	1		1	1						1		5																				1							**1. Văn phòng UBND tỉnh:** hoặc Đại học Luật + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **2. Sở Nội vụ:** hoặc Lưu trữ học **3. Sở Xây dựng:** hoặc Lưu trữ học **4. Sở Giao thông vận tải:** hoặc Quản trị kinh doanh + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **5. Sở Tư pháp:** hoặc Lưu trữ học hoặc Hành chính + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **6. Sở NN&PTNT:** hoặc tốt nghiệp chuyên ngành khác + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **7. UBND huyện Đam Rông:** hoặc Hành chính công + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư.
2	Văn thư lưu trữ	1	1																																					hoặc Đại học chuyên ngành khác + Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
IV	**02.008 - Trung cấp**	9	1							1					6				1																						**1. Văn phòng UBND tỉnh:** hoặc Hành chính Văn phòng + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **2. Sở NN và PTNT:** hoặc tốt nghiệp chuyên ngành khác + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư. **3. UBND Tp Đà Lạt:** hoặc Hành chính Văn phòng + Chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư.
1	Văn thư lưu trữ	9	1							1					6				1																					
V	**10.226 - Đại học**	42													28			14																							Người Dân tộc thiểu số
1	Lâm sinh	1													1																										hoặc Lâm sinh hoặc Lâm nghiệp hoặc Quản lý tài nguyên rừng và môi trường hoặc Quản lý tài nguyên rừng
2	Lâm học	25													25																										
3	Quản lý tài nguyên rừng	15													2			13																							**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** Lâm sinh hoặc Lâm học hoặc Lâm nghiệp hoặc Quản lý Tài nguyên rừng và môi trường; Người Dân tộc thiểu số **2. VQG Bidoup - Núi Bà:** hoặc Kỹ sư lâm nghiệp hoặc Lâm học hoặc Lâm sinh hoặc Quản lý tài nguyên thiên nhiên
4	Lâm nghiệp	1																1																							**VQG Bidoup - Núi Bà:** hoặc Quản lý tài nguyên rừng hoặc Lâm học hoặc Lâm sinh hoặc Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Người dân tộc thiểu số
VI	**10.228 - Trung cấp**	8													4			4																							
1	Kiểm lâm	6													3			1																							**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** hoặc Lâm nghiệp **2. VQG Bidoup - Núi Bà:** hoặc Lâm sinh
2	Kiểm lâm	2													1			1																							**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** Người Dân tộc thiểu số **2. VQG Bidoup - Núi Bà:** hoặc Lâm sinh hoặc Lâm học hoặc Lâm nghiệp hoặc Quản lý tài nguyên rừng hoặc Quản lý Tài nguyên thiên nhiên
3	Lâm sinh	2																2																							hoặc Kiểm lâm; Người Dân tộc thiểu số
VII	**06.031 - Đại học**	3	2							1																															
1	Kế toán; Tài chính kế toán	1								1																															hoặc Tài chính
2	Kế toán	2	2																																					
VIII	**06.035 - Trung cấp**	1																	1																						
1	Kế toán	1																	1																						